

Số: /CNTY-CNTS
V/v hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu
trong Bộ tiêu chí xây dựng NTM về xã
NTM/xã NTM nâng cao, thôn nông thôn
mới/thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lào
Cai, giai đoạn 2022-2025

Lào Cai, ngày tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Văn bản số 1200/SNN-PTNT ngày 08/7/2022 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xây dựng NTM về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới/thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025, Chi cục Chăn nuôi và Thú y xây dựng hướng dẫn cụ thể như sau:

I. Xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao

1. Chỉ tiêu 17.9, 17.8 (tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường)

Điều kiện đánh giá chỉ tiêu 17.9, 17.8:

- Xã nông thôn mới đạt chỉ tiêu 17.9 là xã phải có tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt từ 60% trở lên/tổng số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn toàn xã.

- Xã nông thôn mới nâng cao đạt chỉ tiêu 17.8 là xã phải có tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt từ 75% trở lên/tổng số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn toàn xã.

- Cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là cơ sở chăn nuôi không thả rông gia súc, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

1.1. Đối với chăn nuôi trang trại

- Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030.

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.

- Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc xin và thông tin khác để đảm bảo truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ nuôi.

- Có khoảng cách an toàn từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến tường rào hoặc ranh giới của đối tượng chịu ảnh hưởng, như sau:

+ Từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 mét.

+ Từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300 mét.

+ Từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

+ Từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

- Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019.

- Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định tại Điều 69 của Luật Chăn nuôi.

- Đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện xử lý chất thải trong chăn nuôi theo quy định tại Điều 59 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác.

1.2. Đối với chăn nuôi nông hộ

- Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.

- Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.

- Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi.

- Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định tại Điều 69 của Luật Chăn nuôi.

- Thực hiện xử lý chất thải trong chăn nuôi theo quy định tại Điều 60 của Luật Chăn nuôi.

2. Chỉ tiêu 17.10 cơ sở/điểm giết mổ gia súc, gia cầm đảm bảo vệ sinh thú y và môi trường (nếu có)

Xã nông thôn mới đạt chỉ tiêu 17.10 là xã phải có 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ hoặc chỉ có duy nhất 01 điểm giết mổ nhỏ lẻ trên địa bàn.

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ/điểm giết mổ nhỏ lẻ đã được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm (**đạt**).

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ phải có các công trình bảo vệ môi trường và được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường. Điểm giết mổ nhỏ lẻ phải có công trình xử lý nước thải (**đạt**).

- Ngoài việc áp dụng các biện pháp xử lý chất thải như chăn nuôi trang trại thì hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm phải thực hiện các biện pháp sau:

+ Hàng ngày phải thu gom, phân loại chất thải; dọn vệ sinh, khử trùng cơ sở sau mỗi ca giết mổ. Chất thải phải được xử lý bằng nhiệt, hóa chất hoặc chế phẩm sinh học phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Chất thải rắn được xử lý tại cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ/điểm giết mổ nhỏ lẻ, trong trường hợp cơ sở không có nơi xử lý chất thải rắn thì cơ sở phải ký hợp đồng xử lý chất thải với tổ chức được cấp phép hành nghề xử lý chất thải.

+ Phương tiện vận chuyển chất thải rắn từ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ/điểm giết mổ nhỏ lẻ đến nơi xử lý phải đảm bảo không để rò rỉ, rơi vãi chất thải ra môi trường

3. Trình tự, hồ sơ đánh giá, thẩm định

3.1. Về trình tự

Bước 1: UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ gửi về UBND cấp huyện để kiểm tra.

Bước 2: UBND cấp huyện tổng hợp hồ sơ và gửi kết quả kiểm tra về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ đề nghị của UBND cấp huyện; tổ chức thẩm định đánh giá, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế cơ sở chăn nuôi, giết mổ tại địa phương; tổng hợp kết quả gửi UBND tỉnh (qua Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh).

3.2. Hồ sơ

- Tờ trình về việc đề nghị thẩm định, công nhận chỉ tiêu 17.9, 17.10, 17.8 của UBND cấp xã và UBND cấp huyện.

- Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chỉ tiêu 17.9, 17.10, 17.8 của UBND cấp xã.

- Biên bản thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.9, 17.10, 17.8 của UBND cấp xã.

- Biên bản rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu của thôn.

- Danh sách hiện trạng cơ sở chăn nuôi, giết mổ kèm theo (*biểu 01, biểu 02, biểu 03*).

- Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ/điểm giết mổ nhỏ lẻ.

II. Thôn nông thôn mới/thôn kiểu mẫu

Điều kiện đánh giá chỉ tiêu 12.3, 12.2:

- Thôn nông thôn mới đạt chỉ tiêu 12.3 là thôn phải có tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt từ 60% trở lên/tổng số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn toàn thôn.

- Thôn kiểu mẫu đạt chỉ tiêu 12.2 là thôn phải có tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt từ 90% trở lên/tổng số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn toàn thôn.

- Các cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là cơ sở chăn nuôi không thả rông gia súc, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Đối với chăn nuôi trang trại

Thực hiện đánh giá như xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao

2. Đối với chăn nuôi nông hộ

Thực hiện đánh giá như xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao

3. Trình tự, hồ sơ đánh giá, thẩm định

3.1. Về trình tự

Bước 1: BCD xây dựng NTM cấp thôn thực hiện rà soát chỉ tiêu, lập danh sách gửi về UBND cấp xã để thẩm định.

Bước 2: UBND cấp xã thẩm định, tổng hợp hồ sơ và gửi kết quả kiểm tra về UBND cấp huyện để thẩm tra, công nhận.

3.2. Hồ sơ

- Tờ trình về việc đề nghị thẩm tra, công nhận chỉ tiêu 12.3, 12.2 của UBND cấp xã.

- Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chỉ tiêu 12.3, 12.2 của UBND cấp xã.

- Biên bản thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu 12.3, 12.2 của UBND cấp xã.

- Biên bản rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu của BCD xây dựng NTM cấp thôn.

- Danh sách hiện trạng cơ sở chăn nuôi, giết mổ kèm theo (*biểu 01, biểu 02, biểu 03*).

Trên đây là hướng dẫn của Chi cục chăn nuôi và Thú y, đề nghị Chi cục Phát triển nông thôn tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục phát triển nông thôn;
- Lưu: VT, CNTS.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Bá Uyên

Biểu số 01

BIỂU THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CHĂN NUÔI NÔNG HỘ
Thôn: xãhuyệnnăm 20...

STT	Tên chủ cơ sở chăn nuôi	Quy mô sản xuất (con)						Hiện trạng chăn nuôi			Thực hiện vệ sinh môi trường		Kết quả số hộ đạt chỉ tiêu 17.9
		Lợn	Gia cầm	Trâu	Bò	Ngựa	Dê, hươu, nai	Chuồng nuôi (xây dựng kiên cố, chuồng tạm, chưa có chuồng hoặc thả rông gia súc)	Vị trí chuồng nuôi (tách biệt với nhà ở, cách xa nguồn nước sinh hoạt của người)	Có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi (Bioga, hố ủ phân, đệm lót sinh học)	Hợp vệ sinh (thu gom phân rác hàng ngày, xử lý đúng nơi quy định)	Không hợp vệ sinh (không dọn phân rác hàng ngày, không xử lý chất thải đúng nơi quy định)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
3													
4													
5													
6													
Tổng cộng													

....., ngày tháng năm 202...

TRƯỞNG THÔN

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Biểu số 02

BIỂU TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG CHĂN NUÔI NÔNG HỘ
XãHuyện.....

STT	Tên thôn/bản	Tổng số hộ chăn nuôi	Trong đó				Số hộ chăn nuôi thực hiện xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo yêu cầu, có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi (hộ)	Trong đó			Thực hiện vệ sinh môi trường		Kết quả số hộ đạt chỉ tiêu 17.9
			Chăn nuôi lợn (hộ)	Chăn nuôi gia cầm (hộ)	Trâu, bò, ngựa (hộ)	Dê, hươu, nai (hộ)		Số hộ xử lý bằng Biogas (hộ)	Số hộ xử lý chất thải chăn nuôi bằng đệm lót sinh thái (hộ)	Số hộ xử lý chất thải chăn nuôi bằng biện pháp ủ sinh học (hộ)	Số hộ đạt yêu cầu vệ sinh môi trường (thực hiện thu gom phân rác hàng ngày, xử lý đúng nơi quy định)	Số hộ chưa đạt vệ sinh môi trường (không dọn phân rác hàng ngày, không xử lý chất thải đúng nơi quy định)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
3													
4													
5													
Tổng cộng													

....., ngày tháng năm 202...

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Biểu số 03

**THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CƠ SỞ CHĂN NUÔI TRANG TRẠI;
CƠ SỞ /ĐIỂM GIẾT MỔ GIA SÚC, GIA CẦM TẬP TRUNG QUY MÔ NHỎ
XãHuyện.....**

STT	Tên chủ cơ sở chăn nuôi trang trại/giết mổ	Địa chỉ	Chủ đầu tư	Quy mô sản xuất	Thủ tục pháp lý về môi trường	Thời gian hoạt động	Tình trạng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
4								
5								
Tổng cộng								

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Ghi chú:

- Cột 2: Ghi rõ thuộc thôn, xã
- Cột 5: Ghi rõ số lượng gia súc, gia cầm chăn nuôi thường xuyên hoặc số lượng gia súc, gia cầm giết mổ/ngày;
- Cột 6: Liệt kê rõ hồ sơ môi trường cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận: như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc đơn giản;
- Cột 7: Ghi rõ thời gian bắt đầu hoạt động của cơ sở;
- Cột 8: Dừng hoạt động ghi “**D**”, đang hoạt động ghi “**H**”.

